

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 19-8-2019.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Nhung;

Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 392/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ Thanh H, sinh năm 1977; có mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm 1976; có mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Hồ Thanh H trình bày:

Anh và chị L tự chung sống với nhau vào năm 1999, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng anh về chung sống cùng gia đình anh tại ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi chị L sinh con vào năm 2001, vợ chồng gửi con cho mẹ của chị L chăm sóc để vợ chồng cùng đi làm, do đó, vợ chồng anh cũng thường đi về giữa nhà anh và nhà mẹ của chị L tại ấp B, xã H, huyện Trảng Bàng. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu

thuần nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp với nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình khó khăn, không thể thông cảm cho nhau nên cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2011 đến nay. Khi ly thân, chị L về sống tại nhà mẹ ruột của chị L. Từ khi ly thân, anh và chị L không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nay anh yêu cầu được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Phan Thị Huỳnh N, sinh ngày 20-3-2001, hiện tại cháu N đã trưởng thành và đã kết hôn nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phan Thị L trình bày:

Chị thừa nhận thời gian chung sống với anh H, không đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung như anh H trình bày là đúng. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Nay chị đồng ý ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Phan Thị Huỳnh N, sinh ngày 20-3-2001. Cháu N đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hồ Thanh H và chị Phan Thị L.

Về con chung: Cháu Phan Thị Huỳnh N, sinh ngày 20-3-2001 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay anh H yêu cầu ly hôn và chị L cũng đồng ý ly hôn. Bên cạnh đó, anh H có nộp cho Tòa án đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đ, tỉnh Long An về việc anh chung sống với chị L nhưng không đăng ký kết hôn nên không công nhận anh H và chị L là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị L là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Cháu Phan Thị Huỳnh N, sinh ngày 20-3-2001 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hồ Thanh H và chị Phan Thị L.

2. Về con chung: Cháu Phan Thị Huỳnh N, sinh ngày 20-3-2001 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Anh Hồ Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017237 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thư